

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---

## MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u>                                                                                                           | <u>Trang</u>   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>                                                                                           | <b>2 – 3</b>   |
| <b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                                          | <b>4 – 5</b>   |
| <b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán</b>                                                                   | <b>6 – 33</b>  |
| <i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>                                                     | <i>6 – 9</i>   |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i> | <i>10</i>      |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>           | <i>11 – 12</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>    | <i>13 – 33</i> |



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600346889 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 07 lần được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 05 tháng 3 năm 2019.

***Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 07 là 65.000.000.000 VND***

***Trụ sở hoạt động***

Địa chỉ : Số 65 Hoàng Văn Thụ, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
Mã số thuế : 4 6 0 0 3 4 6 8 8 9

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

**Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

| <u>Họ và tên</u>       | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Quy      | Chủ tịch       |
| Bà Nguyễn Thị Vinh     | Ủy viên        |
| Bà Bạch Phương Vinh    | Ủy viên        |
| Bà Phạm Thị Thanh Bình | Ủy viên        |
| Bà Lê Thị Hoài Anh     | Ủy viên        |

***Ban kiểm soát***

| <u>Họ và tên</u>      | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Bà Phùng Thị Hà       | Trưởng ban     |
| Ông Hà Huy Thuyết     | Thành viên     |
| Ông Nguyễn Tổng Thắng | Thành viên     |

***Ban Giám đốc***

| <u>Họ và tên</u>    | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Bà Bạch Phương Vinh | Giám đốc       |
| Bà Lê Thị Mai Liên  | Phó Giám đốc   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thái Nguyên, Ngày 07 tháng 10 năm 2019

Thay mặt Ban Giám đốc



**Bạch Phương Vinh**

Số : 1006.02.03/2019/NVT2-BCTC  
Ngày 07 tháng 10 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu**  
**của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo**  
**Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên, được lập ngày 07 tháng 10 năm 2019 từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

**Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần phát hành sách Thái Nguyên tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.18 về việc Công ty đã thực hiện các thủ tục về thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ từ 2 tỷ lên 65 tỷ trước thời điểm các Cổ đông thực hiện góp vốn điều lệ tăng thêm là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 điều 122 Luật doanh nghiệp 2014 và hướng dẫn tại điều 44 nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2015. Theo đó, ngày 3/10/2019, công ty đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 07/QĐ – XPVPHC của thanh tra Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Thái Nguyên

Vấn đề trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi

Báo cáo này thay thế báo cáo đã phát hành số 1006.02/2019/NVT2-BCTC ngày 09 tháng 8 năm 2019 do bổ sung một số thông tin.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

Phó Tổng Giám đốc



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

**Nguyễn Khánh Hoa**

GCNĐKHNKT số: 1956-2018-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                             | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            |                      |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|----------------------|
|                                                     |            |             | Số cuối kỳ            | Số đầu năm           |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>13.142.102.730</b> | <b>9.180.842.657</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>4.414.148.712</b>  | <b>571.333.742</b>   |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 1.414.148.712         | 571.333.742          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 3.000.000.000         | -                    |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                     | -                    |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                    |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                    |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                    |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>1.351.804.147</b>  | <b>736.978.954</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 885.958.771           | 636.715.858          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3         | 35.943.473            | 78.749.361           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                    |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                    |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                    |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.4a        | 459.513.268           | 52.795.100           |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.5         | (29.611.365)          | (31.281.365)         |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                    |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>7.161.966.666</b>  | <b>7.495.292.185</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 7.161.966.666         | 7.495.292.185        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                    |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>214.183.205</b>    | <b>377.237.776</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.7a        | 34.358.121            | 18.912.807           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                     | -                    |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.12        | 179.825.084           | 358.324.969          |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                    |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| TÀI SẢN                                         | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>58.065.678.421</b> | <b>7.458.236.414</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>50.400.000.000</b> | -                     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                     | -                     |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.4b        | 50.400.000.000        | -                     |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>7.180.623.151</b>  | <b>7.419.833.754</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 7.163.956.491         | 7.386.500.426         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 13.332.641.915        | 13.332.641.915        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (6.168.685.424)       | (5.946.141.489)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                     | -                     |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                     | -                     |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                     | -                     |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.9         | 16.666.660            | 33.333.338            |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 168.000.000           | 168.000.000           |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (151.333.340)         | (134.666.672)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                     | -                     |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                     | -                     |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>2.465.000</b>      | -                     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                     | -                     |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | 2.465.000             | -                     |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                     | -                     |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                     | -                     |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                     | -                     |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                     | -                     |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>482.590.270</b>    | <b>38.402.660</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.7b        | 482.590.270           | 38.402.660            |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                     | -                     |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                     | -                     |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>71.207.781.151</b> | <b>16.639.079.071</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                           | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------|-----------------------|
|                                                     |            |             |                      |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>3.179.339.646</b> | <b>12.442.390.832</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>3.179.339.646</b> | <b>12.209.390.832</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.10        | 1.725.432.645        | 1.501.544.569         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.11        | 45.421.000           | 45.914.000            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.12        | 206.085.918          | -                     |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 201.701.000          | 568.120.301           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.13        | -                    | 562.588.457           |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                    | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                    | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.14        | 657.727.271          | 917.727.277           |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.15        | 266.619.312          | 560.457.631           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.16        | -                    | 7.501.072.626         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                    | 475.613.471           |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.17        | 76.352.500           | 76.352.500            |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                    | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                    | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>-</b>             | <b>233.000.000</b>    |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                    | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                    | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                    | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                    | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                    | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                    | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                    | 233.000.000           |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                    | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                    | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                    | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                    | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                    | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                    | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>68.028.441.505</b> | <b>4.196.688.239</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.18</b> | <b>68.028.441.505</b> | <b>4.196.688.239</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 65.000.000.000        | 2.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 65.000.000.000        | 2.000.000.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | 29.736.000            | 29.736.000            |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                     | -                     |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | 205.199.847           | 205.199.847           |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                     | -                     |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                     | -                     |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                     | -                     |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 464.211.628           | 464.211.628           |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                     | -                     |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                     | -                     |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 2.329.294.030         | 1.497.540.764         |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 1.497.540.764         | 957.654.418           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 831.753.266           | 539.886.346           |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                     | -                     |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>71.207.781.151</b> | <b>16.639.079.071</b> |

Người lập biểu



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương

Lập ngày 07 tháng 10 năm 2019



Bạch Phương Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|---------------|
|                                                    |       |             | Năm nay                           | Năm trước     |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 8.407.642.687                     | 6.971.444.729 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | 178.359.477                       | 112.847.993   |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 8.229.283.210                     | 6.858.596.736 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 5.215.728.967                     | 3.960.379.064 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 3.013.554.243                     | 2.898.217.672 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 404.145                           | 172.130       |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.5        | 255.356.046                       | 311.951.570   |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 255.356.046                       | 311.951.570   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.6        | 1.341.272.625                     | 1.259.080.915 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.7        | 377.155.152                       | 638.338.881   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 1.040.174.565                     | 689.018.436   |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.8        | 4.151                             | 619.704       |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.9        | 487.134                           | 700.205       |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (482.983)                         | (80.501)      |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 1.039.691.582                     | 688.937.935   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | VI.10       | 207.938.316                       | 137.787.587   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                                 | -             |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 831.753.266                       | 551.150.348   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.11       | 631                               | 2.756         |

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương

Lập, ngày 07 tháng 10 năm 2019



Chức danh

Bạch Phương Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND                  |                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                                                                            |           |             | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|                                                                                            |           |             | Năm nay                           | Năm trước            |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |           |             |                                   |                      |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01        |             | 1.039.691.582                     | 688.937.935          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |           |             |                                   |                      |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02        |             | 239.210.603                       | 330.060.258          |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03        |             | (477.283.471)                     | (201.304.972)        |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                                 | -                    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05        |             | (404.145)                         | (172.130)            |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06        |             | 255.356.046                       | 311.951.570          |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07        |             | -                                 | -                    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 1.056.570.615                     | 1.129.472.661        |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09        |             | (50.834.655.308)                  | (24.082.979)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10        |             | 333.325.519                       | (1.542.385.561)      |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11        |             | (505.360.813)                     | 388.433.293          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12        |             | (459.632.924)                     | (36.790.729)         |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13        |             | -                                 | -                    |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14        |             | (817.944.503)                     | (85.860.366)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15        |             | (20.819.135)                      | (78.379.175)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16        |             | -                                 | -                    |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17        |             | -                                 | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>(51.248.516.549)</b>           | <b>(249.592.856)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |           |             |                                   |                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | -                                 | -                    |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                                 | -                    |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                                 | -                    |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                                 | -                    |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25        |             | -                                 | -                    |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26        |             | -                                 | -                    |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | 404.145                           | 172.130              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                           | <b>30</b> |             | <b>404.145</b>                    | <b>172.130</b>       |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Số tiền               |                    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|--------------------|
|                                                                                            |           |             | Năm nay               | Năm trước          |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                       |                    |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | 63.000.000.000        | -                  |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                     | -                  |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        |             | 1.100.000.000         | 1.295.025.600      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        |             | (8.601.072.626)       | (300.000.000)      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                     | -                  |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        |             | (408.000.000)         | (392.000.000)      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>55.090.927.374</b> | <b>603.025.600</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>3.842.814.970</b>  | <b>353.604.874</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>571.333.742</b>    | <b>614.233.101</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                     | -                  |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                                                    | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>4.414.148.712</b>  | <b>967.837.975</b> |

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương

Lập, ngày 07 tháng 10 năm 2019

Giám đốc



Bạch Phương Vinh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :  
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
  - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
  - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
  - Cho thuê mặt bằng./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC 6 tháng đầu năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC 6 tháng đầu năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2018.

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

#### **a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 10 – 25       |
| Máy móc và thiết bị             | 5 – 10        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10        |

#### **b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

#### **6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### **7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### ***Vốn khác thuộc chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### ***Các quỹ khác***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***a) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

#### ***b) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

### **11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.1

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>         |
|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Tiền mặt                        | 850.774.230                 | 152.739.562               |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 563.374.482                 | 418.594.180               |
| Các khoản tương đương tiền (*)  | 3.000.000.000               | -                         |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>4.414.148.712</u></b> | <b><u>571.333.742</u></b> |

(\*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 03 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên

**2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

|                                                                | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>         |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>                       | <b><i>87.197.680</i></b>  | <b><i>14.900.900</i></b>  |
| Công ty CP thương mại Thái Hưng                                | 87.197.680                | 14.900.900                |
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>                     | <b><i>798.761.091</i></b> | <b><i>621.814.958</i></b> |
| Bệnh viện đa khoa Trung Ương Thái Nguyên                       | 223.560.000               | 223.560.000               |
| Công ty CP tư vấn xây dựng Bắc Thái                            | 29.605.000                | 89.540.500                |
| Khoa khám bệnh theo yêu cầu - Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên | 70.772.000                | 21.104.000                |
| Các khách hàng khác                                            | 474.824.091               | 287.610.458               |
| <b>Cộng</b>                                                    | <b><u>885.958.771</u></b> | <b><u>636.715.858</u></b> |

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                | <u>Số cuối kỳ</u>        | <u>Số đầu năm</u>        |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Nhà xuất bản Kim Đồng          | -                        | 49.438.685               |
| Tổng Công Ty Giấy Việt Nam     | 22.259.177               | 22.259.177               |
| Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam | 6.078.219                | 6.078.219                |
| Các nhà cung cấp khác          | 7.606.077                | 973.280                  |
| <b>Cộng</b>                    | <b><u>35.943.473</u></b> | <b><u>78.749.361</u></b> |

**4. Các khoản phải thu khác  
a, Ngắn hạn**

|                                  | <u>Số cuối kỳ</u>         |                 | <u>Số đầu năm</u>        |                 |
|----------------------------------|---------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
|                                  | <u>Giá trị</u>            | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>           | <u>Dự phòng</u> |
| Tam ứng                          | 408.588.300               |                 | 2.000.000                | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 50.924.968                |                 | 50.795.100               | -               |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>459.513.268</u></b> | <b><u>-</u></b> | <b><u>52.795.100</u></b> | <b><u>-</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### b, Dài hạn

Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HDHTK/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh dự án “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”, tổng mức đầu tư dự toán của dự án là 234.144.343.407 VND, trong đó các bên góp vốn như sau:

- Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên góp 50.400.000.000 VND, chiếm 21,5% tổng mức đầu tư.

- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng góp 183.744.343.407 VND, chiếm 78,5% tổng mức đầu tư.

Thời gian hợp tác của dự án là 24 tháng, bao gồm:

+ 10 tháng cho quá trình xây dựng cơ bản và hoàn thiện toàn bộ công trình trường học từ cấp mầm non đến cấp trung học phổ thông.

+ 14 tháng để triển khai và hoàn thành các công việc như: Hoàn thiện khung chương trình đào tạo liên cấp (song ngữ); Thi điểm tuyển sinh tất cả các cấp học; Hoàn tất chuyển giao và vận hành thử phần mềm quản lý giáo dục; Đánh giá và tổng kết kinh nghiệm quản lý và vận hành ....trước khi chuyển giao cho Công ty cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên tự vận hành.

Tài sản hợp tác kinh doanh: Dự kiến trong Quý I/2020, sau khi dự án được quyết toán, hai bên sẽ thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận tài sản gắn liền trên đất với cơ quan chức năng.

Chuyển giao tài sản hợp tác kinh doanh: Khi kết thúc thời hạn hợp tác kinh doanh (dự kiến tháng 3/2021), Công ty cổ phần thương mại Thái Hưng sẽ xem xét ưu tiên chuyển giao giá trị tài sản đồng sở hữu cho Công ty. Nếu thực hiện chuyển giao thì tài sản công trình trường học: “ Trường mầm non quốc tế Thái Hưng (IRIS) và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông quốc tế Thái Hưng (IRIS)” sẽ 100% thuộc sở hữu của Công ty.

Hai bên thống nhất thỏa thuận phân chia kết quả hợp tác kinh doanh như sau:

+ Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng được sở hữu 78,5% giá trị tài sản hình thành và lợi nhuận tạo ra từ hoạt động vận hành, khai thác công trình.

+ Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên được sở hữu 21,5% giá trị tài sản hình thành và lợi nhuận tạo ra từ hoạt động vận hành, khai thác công trình.

Dự án được bắt đầu triển khai xây dựng từ tháng 4 năm 2019 theo Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 01/04/2019 của Sở Xây Dựng tỉnh Thái Nguyên. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, dự án đang triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, dự kiến tháng 9 năm 2019 sẽ bắt đầu tuyển sinh khóa học đầu tiên.

#### 5. Nợ xấu

|                                                                     | Số cuối kỳ        |                   |                   | Số đầu năm        |                   |                   |
|---------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|                                                                     | Thời gian quá hạn | Giá gốc           | Dự phòng          | Thời gian quá hạn | Giá gốc           | Dự phòng          |
| Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam                                      | Trên 3 năm        | 6.078.219         | 6.078.219         | Trên 3 năm        | 6.078.219         | 6.078.219         |
| Tổng Công ty Giấy Việt Nam                                          | Từ 1 đến 2 năm    | 22.259.178        | 11.129.587        | Từ 1 đến 2 năm    | 22.259.178        | 11.129.587        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG                            | Trên 3 năm        | 12.403.559        | 12.403.559        | Từ 2 đến 3 năm    | 12.403.559        | 12.403.559        |
| Công ty CP tư vấn Xây dựng và Kinh doanh đã thu hồi công thương mại |                   | -                 | -                 | Dưới 1 năm        | 3.340.000         | 1.670.000         |
| <b>Cộng</b>                                                         |                   | <b>40.740.956</b> | <b>29.611.365</b> |                   | <b>44.080.956</b> | <b>31.281.365</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

|             | Số cuối kỳ           |          | Số đầu năm           |          |
|-------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|             | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Hàng hóa    | 7.161.966.666        |          | 7.495.292.185        | -        |
| <b>Cộng</b> | <b>7.161.966.666</b> | <b>-</b> | <b>7.495.292.185</b> | <b>-</b> |

**7. Chi phí trả trước****a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | Số cuối kỳ        | Số đầu năm        |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí bảo hiểm                    | 32.738.121        | 16.658.909        |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.620.000         | 2.253.898         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>34.358.121</b> | <b>18.912.807</b> |

**b, Chi phí trả trước dài hạn**

|                             | Số cuối kỳ         | Số đầu năm        |
|-----------------------------|--------------------|-------------------|
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 482.590.270        | 38.402.660        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>482.590.270</b> | <b>38.402.660</b> |

**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                  |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                        |                                 |                           |                       |
| Số đầu năm                            | 12.172.868.998         | 179.970.582                     | 979.802.335               | 13.332.641.915        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>12.172.868.998</b>  | <b>179.970.582</b>              | <b>979.802.335</b>        | <b>13.332.641.915</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                                 |                           |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 61.248.907             | -                               | 979.802.333               | 1.041.051.240         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                                 |                           |                       |
| Số đầu năm                            | 4.853.857.561          | 112.481.593                     | 979.802.335               | 5.946.141.489         |
| Khấu hao trong năm                    | 207.546.389            | 14.997.546                      | -                         | 222.543.935           |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>5.061.403.950</b>   | <b>127.479.139</b>              | <b>979.802.335</b>        | <b>6.168.685.424</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                                 |                           |                       |
| Số đầu năm                            | 7.319.011.437          | 67.488.989                      | -                         | 7.386.500.426         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>7.111.465.048</b>   | <b>52.491.443</b>               | <b>-</b>                  | <b>7.163.956.491</b>  |

**9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

|                    | Nguyên giá         | Hao mòn lũy kế     | Giá trị còn lại   |
|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| Số đầu năm         | 168.000.000        | 134.666.672        | 33.333.328        |
| Tăng mua trong năm | -                  | -                  | -                 |
| Khấu hao trong năm | -                  | 16.666.668         | (16.666.668)      |
| <b>Số cuối kỳ</b>  | <b>168.000.000</b> | <b>151.333.340</b> | <b>16.666.660</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                    | Số cuối kỳ           |                       | Số đầu năm           |                       |
|------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|                                    | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH Thái Minh Thành       | 167.521.733          | 167.521.733           | 350.607.703          | 350.607.703           |
| Công ty TNHH Thanh Chương          | 236.148.625          | 236.148.625           | 131.166.642          | 131.166.642           |
| Công ty cổ phần thương mại Sách 2T | 160.421.750          | 160.421.750           | -                    | -                     |
| Các nhà cung cấp khác              | 1.161.340.537        | 1.161.340.537         | 1.019.770.224        | 1.019.770.224         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>1.725.432.645</b> | <b>1.725.432.645</b>  | <b>1.501.544.569</b> | <b>1.501.544.569</b>  |

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                     | Số cuối kỳ        | Số đầu năm        |
|---------------------|-------------------|-------------------|
| Dương Thị Nga       | 12.000.000        | 24.000.000        |
| Quách Thị Thu Hằng  | 10.000.000        | 20.000.000        |
| Phạm Quang Huy      | 20.000.000        | -                 |
| Các khách hàng khác | 3.421.000         | 1.914.000         |
| <b>Cộng</b>         | <b>45.421.000</b> | <b>45.914.000</b> |

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | Phải thu đầu năm   | Số phải nộp phát sinh trong kỳ | Số đã nộp            | Số phải nộp cuối kỳ | Số thuế nộp thừa cuối kỳ |
|----------------------------|--------------------|--------------------------------|----------------------|---------------------|--------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 109.612.070        | 206.594.580                    | (58.767.562)         | 38.214.948          | -                        |
| Thuế TNDN                  | 26.503.263         | 208.644.062                    | (20.819.135)         | 160.615.918         | -                        |
| Thuế TNCN                  | -                  | 13.299.308                     | (6.044.256)          | 7.255.052           | -                        |
| Tiền thuế đất              | 222.209.636        | 83.375.052                     | (40.990.500)         | -                   | 179.825.084              |
| <b>Cộng</b>                | <b>358.324.969</b> | <b>511.913.002</b>             | <b>(126.621.453)</b> | <b>206.085.918</b>  | <b>179.825.084</b>       |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.8

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                                                       | Số cuối kỳ | Số đầu năm         |
|-------------------------------------------------------|------------|--------------------|
| Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | -          | 486.964.718        |
| Lãi vay cá nhân phải trả                              | -          | 75.623.739         |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>-</b>   | <b>562.588.457</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản

|                                            | Số cuối kỳ         | Số đầu năm         |
|--------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Thái Nguyên | 245.000.000        | 245.000.000        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội      | 320.000.002        | 570.909.096        |
| Các khách hàng khác                        | 92.727.269         | 101.818.181        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>657.727.271</b> | <b>917.727.277</b> |

**15. Các khoản phải trả khác ngắn hạn**

|                                                                   | Số cuối kỳ         | Số đầu năm         |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                                 | -                  | <b>496.956.000</b> |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | -                  | 408.000.000        |
| Thù lao hội đồng quản trị phải trả                                | -                  | 88.956.000         |
| <b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>                        | <b>266.619.312</b> | <b>63.501.631</b>  |
| Kinh phí công đoàn                                                | 33.231.072         | 63.067.589         |
| Tiền đặt cọc thuê nhà phải trả                                    | 233.000.000        | -                  |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                                  | 388.240            | 434.042            |
| <b>Cộng</b>                                                       | <b>266.619.312</b> | <b>560.457.631</b> |

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|                                                                  | Số cuối kỳ |                       | Số đầu năm           |                       |
|------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|                                                                  | Giá trị    | Số có khả năng trả nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng (*) | -          | -                     | 6.271.072.626        | 6.271.072.626         |
| Vay ngắn hạn cá nhân                                             | -          | -                     | 1.230.000.000        | 1.230.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                                      | -          | -                     | <b>7.501.072.626</b> | <b>7.501.072.626</b>  |

(\*) Là khoản vay Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo Hợp đồng vay vốn số 01/14-TH/PHS ký ngày 01 tháng 01 năm 2014, số tiền vay gốc ban đầu: 9.704.203.119 đồng, mục đích vay để kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trong giấy chứng nhận DKKD của bên đi vay. Thời hạn vay từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2019, lãi suất cho vay theo lãi suất của ngân hàng thương mại tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

|                         | Số đầu năm           | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------|
| Vay ngắn hạn cá nhân    | 1.230.000.000        | 1.100.000.000                  | (2.330.000.000)             | -          |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 6.271.072.626        | -                              | (6.271.072.626)             | -          |
| <b>Cộng</b>             | <b>7.501.072.626</b> | <b>1.100.000.000</b>           | <b>(8.601.072.626)</b>      | -          |

**17. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

|                   | Năm nay           | Năm trước         |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| Quỹ khen thưởng   | 38.176.250        | 38.176.250        |
| Quỹ phúc lợi      | 38.176.250        | 38.176.250        |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>76.352.500</b> | <b>76.352.500</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THẠI NGUYỄN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                      | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                      | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                      | Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                      |
|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|
|                                      | Số đầu năm trước          | Số cuối năm trước    | Số đầu năm trước          | Số cuối năm trước    | Số đầu năm trước          | Số cuối năm trước    |
| Thặng dư vốn cổ phần                 | 29.736.000                | 29.736.000           | 29.736.000                | 29.736.000           | 29.736.000                | 29.736.000           |
| Vốn khác của chủ sở hữu              | -                         | -                    | -                         | -                    | -                         | -                    |
| Quy đầu tư phát triển                | 464.211.628               | 464.211.628          | 464.211.628               | 464.211.628          | 464.211.628               | 464.211.628          |
| Lợi nhuận chưa phân phối             | 3.656.801.893             | 4.196.688.239        | 3.656.801.893             | 4.196.688.239        | 3.656.801.893             | 4.196.688.239        |
| <b>Số đầu năm trước</b>              | <b>2.000.000.000</b>      | <b>2.000.000.000</b> | <b>2.000.000.000</b>      | <b>2.000.000.000</b> | <b>2.000.000.000</b>      | <b>2.000.000.000</b> |
| Lãi trong năm trước                  | -                         | -                    | -                         | -                    | -                         | -                    |
| Số dư cuối năm trước                 | 2.000.000.000             | 2.000.000.000        | 2.000.000.000             | 2.000.000.000        | 2.000.000.000             | 2.000.000.000        |
| Số dư đầu năm nay                    | 2.000.000.000             | 2.000.000.000        | 2.000.000.000             | 2.000.000.000        | 2.000.000.000             | 2.000.000.000        |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*) | 63.000.000.000            | 63.000.000.000       | -                         | -                    | -                         | -                    |
| Lợi nhuận trong năm nay              | -                         | -                    | -                         | -                    | -                         | -                    |
| Số dư cuối năm nay                   | 65.000.000.000            | 65.000.000.000       | 29.736.000                | 205.199.847          | 464.211.628               | 205.199.847          |

**Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

|                                      | Số cuối năm           | Tỷ lệ          | Số đầu năm           | Tỷ lệ          |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------|----------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 12.000.000.000        | 18,46%         | 1.020.000.000        | 51,00%         |
| Bà Nguyễn Thị Vinh                   | 7.183.400.000         | 11,05%         | 262.100.000          | 13,11%         |
| Bà Nguyễn Thị Quy                    | 8.348.000.000         | 12,84%         | 235.700.000          | 11,79%         |
| Bà Bạch Phương Vinh                  | 7.182.000.000         | 11,05%         | 246.600.000          | 12,33%         |
| Ông Nguyễn Thuận Nguyễn              | 235.600.000           | 0,36%          | 235.600.000          | 11,78%         |
| Các cổ đông khác                     | 30.051.000.000        | 46,23%         | -                    | 0,00%          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>65.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> | <b>2.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> |

(\*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-DHĐCB ngày 18 tháng 02 năm 2019 và nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2019/PHS/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2019 đã thông qua phương án phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu năm 2019 từ 2.000.000.000 VND lên 65.000.000.000 VND với nội dung cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên.





## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 6.300.000 cổ phần.
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần.
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Thời hạn phân phối: Thời hạn phân phối chính thức cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ được tiến hành trong vòng 90 ngày. Thời hạn phân phối chính thức do HĐQT lựa chọn và thông qua tại Nghị Quyết về triển khai phương án phát hành. Ủy quyền HĐQT xem xét gia hạn thời hạn phân phối trong các trường hợp cần thiết.
- Hình thức góp vốn: Cổ đông có thể góp vốn bằng các hình thức sau: tiền, tài sản hoặc hình thức khác.
- Phương án sử dụng vốn: + Hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Thương mại Thái Hưng để xây dựng công trình: "*Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS*" trong dự án: Khu đô thị mới Thái Hưng Eco City, số tiền 50.400.000.000 VND.  
+ Bổ sung vốn lưu động, số tiền 12.600.000.000 VND

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2019/PHS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2019 đã thông qua báo cáo kết quả phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu từ 2.000.000.000 VND lên 65.000.000.000 VND với các nội dung sau:

- Số lượng cổ phần thực tế đã được phân phối: 6.300.000 cổ phần (Sáu triệu ba trăm nghìn cổ phần).
- Giá trị nguồn vốn thực tế được thu về từ đợt phát hành: 63.000.000.000 đồng (Sáu mươi ba tỷ đồng).
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ đông thực tế tham gia đợt phát hành: 04 cổ đông hiện hữu.
- Ngày hoàn thành đợt phát hành (ngày cổ đông kết thúc việc nộp tiền mua cổ phần): 31/05/2019.
- Tổng số cổ phiếu hiện tại đang lưu hành của Công ty: 6.500.000 cổ phiếu (Sáu triệu năm trăm nghìn cổ phiếu)

Công ty đã thực hiện các thủ tục về thay đổi đăng ký kinh doanh và đã được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 02 năm 2019 đối với việc tăng vốn điều lệ từ 2 tỷ lên 65 tỷ đồng. Tuy nhiên, từ ngày 27 tháng 5 năm 2019 đến ngày 31 tháng 5 năm 2019, các Cổ đông của công ty mới thực hiện góp vốn điều lệ tăng thêm này. Điều này là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 điều 122 Luật doanh nghiệp và hướng dẫn tại điều 44 nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2015. Ngày 03/10/2019, thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thái nguyên đã ra quyết định xử phạt số 07/QĐ – XPVPHC. Công ty bị phạt với mức 12.500.000 VND, việc các cổ đông đã thanh toán đủ số cổ phần do Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái nguyên chào bán được xem là một biện pháp khắc phục hậu quả. nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 cấp ngày 28/02/2019 không thay đổi. Do đó, Công ty không thực hiện thay đổi lại nội dung đăng ký doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****b) Cổ phiếu**

|                                                  | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành              | 6.500.000         | 200.000           |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 6.500.000         | 200.000           |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | 6.500.000         | 200.000           |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                         | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại                   | -                 | -                 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | -                 | -                 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                         | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                  | 6.500.000         | 200.000           |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | 6.500.000         | 200.000           |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                         | -                 | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

|                            | <u>Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này</u> |                             |
|----------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|
|                            | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>            |
| Doanh thu bán hàng hóa     | 7.192.066.924                            | 5.649.626.549               |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.215.575.763                            | 1.321.818.180               |
| <b>Doanh thu thuần</b>     | <b><u>8.407.642.687</u></b>              | <b><u>6.971.444.729</u></b> |

Giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan phát sinh trong năm như sau:

|                                             | <u>Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này</u> |                   |
|---------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------|
|                                             | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>  |
| <i>Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng</i> |                                          |                   |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>               | <i>111.324.154</i>                       | <i>63.980.435</i> |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>           | <i>54.545.454</i>                        | <i>54.545.454</i> |

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                       | <u>Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này</u> |                           |
|-----------------------|------------------------------------------|---------------------------|
|                       | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>          |
| Chiết khấu thương mại | 176.044.974                              | 104.505.568               |
| Hàng bán bị trả lại   | 2.314.503                                | 8.342.425                 |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>178.359.477</u></b>                | <b><u>112.847.993</u></b> |

**3. Giá vốn hàng bán**

|                             | <u>Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này</u> |                             |
|-----------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|
|                             | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>            |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 5.215.728.967                            | 3.960.379.064               |
| <b>Cộng</b>                 | <b><u>5.215.728.967</u></b>              | <b><u>3.960.379.064</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                            | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này |                |
|----------------------------|-----------------------------------|----------------|
|                            | Năm nay                           | Năm trước      |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 404.145                           | 172.130        |
| <b>Cộng</b>                | <b>404.145</b>                    | <b>172.130</b> |

**5. Chi phí tài chính**

|                 | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này |                    |
|-----------------|-----------------------------------|--------------------|
|                 | Năm nay                           | Năm trước          |
| Chi phí lãi vay | 255.356.046                       | 311.951.570        |
| <b>Cộng</b>     | <b>255.356.046</b>                | <b>311.951.570</b> |

**6. Chi phí bán hàng**

|                                  | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên            | 1.031.270.159                     | 995.672.625          |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 17.072.000                        | 18.396.415           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 94.329.702                        | 102.832.392          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 49.173.313                        | 47.644.333           |
| Các chi phí khác                 | 149.427.451                       | 94.535.150           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>1.341.272.625</b>              | <b>1.259.080.915</b> |

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này |                    |
|----------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước          |
| Chi phí cho nhân viên            | 439.154.848                       | 426.123.725        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 144.880.901                       | 227.227.866        |
| Thuế, phí và lệ phí              | 91.715.589                        | 89.781.986         |
| Chi phí dự phòng                 | (477.283.471)                     | (201.304.972)      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 25.578.752                        | 23.066.803         |
| Các chi phí khác                 | 153.108.533                       | 73.443.473         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>377.155.152</b>                | <b>638.338.881</b> |

**8. Thu nhập khác**

|                         | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này |                |
|-------------------------|-----------------------------------|----------------|
|                         | Năm nay                           | Năm trước      |
| Các khoản thu nhập khác | 4.151                             | 619.704        |
| <b>Cộng</b>             | <b>4.151</b>                      | <b>619.704</b> |

**9. Chi phí khác**

|              | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này |                |
|--------------|-----------------------------------|----------------|
|              | Năm nay                           | Năm trước      |
| Chi phí khác | 487.134                           | 700.205        |
| <b>Cộng</b>  | <b>487.134</b>                    | <b>700.205</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|                                                                                                          | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này |                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                                                                                                          | Năm nay                           | Năm trước          |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 1.039.691.582                     | 688.937.935        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | -                                 | -                  |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | -                                 | -                  |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | -                                 | -                  |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | 1.039.691.582                     | 688.937.935        |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%                               | 20%                |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                      | <b>207.938.316</b>                | <b>137.787.587</b> |
| <b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>                                                      | <b>207.938.316</b>                | <b>137.787.587</b> |

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|                                                                                                                        | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này |              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|
|                                                                                                                        | Năm nay                           | Năm trước    |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                       | 831.753.266                       | 551.150.348  |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | -                                 | -            |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                                                                | 831.753.266                       | 551.150.348  |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ                                             | 1.317.641                         | 200.000      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                                                        | <b>631</b>                        | <b>2.756</b> |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

|                                                                      | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này |                |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
|                                                                      | Năm nay                           | Năm trước      |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                             | 200.000                           | 200.000        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 27 tháng 05 năm 2019 | 11.323                            | -              |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 05 năm 2019 | 43.697                            | -              |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 05 năm 2019 | 33.013                            | -              |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 31 tháng 05 năm 2019 | 1.029.608                         | -              |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>           | <b>1.317.641</b>                  | <b>200.000</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

**Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này**

#### **Các thành viên Hội đồng quản trị**

##### ***Bà Nguyễn Thị Quy***

|                               |                |
|-------------------------------|----------------|
| Chi trả thù lao HĐQT năm 2018 | 42.360.000     |
| thu tiền đi vay               | 500.000.000    |
| Trả tiền vay                  | 500.000.000    |
| Lãi vay phải trả              | 10.410.958     |
| Trả tiền lãi vay              | 10.410.958     |
| Nhận tiền góp vốn             | 16.128.000.000 |

##### ***Bà Bạch Phương Vinh***

|                               |                |
|-------------------------------|----------------|
| Chi trả thù lao HĐQT năm 2018 | 21.180.000     |
| thu tiền đi vay               | 600.000.000    |
| Trả tiền vay                  | 600.000.000    |
| Lãi vay phải trả              | 20.120.547     |
| Trả tiền lãi vay              | 20.120.547     |
| Nhận tiền góp vốn             | 16.758.000.000 |

##### ***Bà Nguyễn Thị Vinh***

|                               |                |
|-------------------------------|----------------|
| Chi trả thù lao HĐQT năm 2018 | 8.472.000      |
| Nhận tiền góp vốn             | 17.514.000.000 |

##### ***Bà Phạm Thị Thanh Bình***

|                               |           |
|-------------------------------|-----------|
| Chi trả thù lao HĐQT năm 2018 | 8.472.000 |
|-------------------------------|-----------|

##### ***Bà Lê Thị Hoài Anh***

|                               |           |
|-------------------------------|-----------|
| Chi trả thù lao HĐQT năm 2018 | 8.472.000 |
|-------------------------------|-----------|

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.15

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

|                                | <b>Kỳ này</b> | <b>Kỳ trước</b> |
|--------------------------------|---------------|-----------------|
| Thu nhập từ Tiền lương, thưởng | 104.582.000   | 119.915.000     |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <b>Bên liên quan</b>                 | <b>Mối quan hệ</b> |
|--------------------------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | Cổ đông lớn        |

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên cho các Cổ đông khác là bà Nguyễn Thị Vinh (2.183 Cổ phần), bà Nguyễn Thị Quy (1.963 Cổ phần) và bà Bạch Phương Vinh (2.054 Cổ phần). Theo đó từ ngày 26 tháng 01 năm 2019, Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng còn nắm giữ 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty Cổ phần Thái Hưng nắm giữ 1.200.000 cổ phiếu của Công ty, chiếm 18,5% vốn điều lệ.

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

#### Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này

|                                                                                                                                                                                    |                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng</b>                                                                                                                                        |                |
| Phải thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ                                                                                                                                     | 181.113.348    |
| Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ                                                                                                                                              | 108.816.568    |
| Trả tiền cổ tức, lợi nhuận các năm trước được chia                                                                                                                                 | 408.000.000    |
| Thanh toán tiền vay dài hạn đến hạn trả                                                                                                                                            | 6.271.072.626  |
| Phải trả lãi vay năm 2019                                                                                                                                                          | 207.546.733    |
| Trả lãi tiền vay                                                                                                                                                                   | 694.511.451    |
| Nhận tiền góp vốn                                                                                                                                                                  | 12.600.000.000 |
| Chuyển tiền góp vốn hợp tác kinh doanh                                                                                                                                             | 50.400.000.000 |
| Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan. |                |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2, V.13, V.15 và V.16.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

### A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực thương mại

Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|                                                                                     | <b>Lĩnh vực thương mại</b> | <b>Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản</b> | <b>Cộng</b>          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|----------------------|
| <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>                                            |                            |                                          |                      |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 7.013.707.447              | 1.215.575.763                            | 8.229.283.210        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>7.013.707.447</b>       | <b>1.215.575.763</b>                     | <b>8.229.283.210</b> |
| Chi phí theo bộ phận                                                                | 5.215.728.967              |                                          | 5.215.728.967        |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                     | 1.797.978.480              | 1.215.575.763                            | 3.013.554.243        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                              |                            |                                          | 1.714.899.047        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                   |                            |                                          | 1.298.655.196        |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                       |                            |                                          | 404.145              |
| Chi phí tài chính                                                                   |                            |                                          | 255.356.046          |
| Thu nhập khác                                                                       |                            |                                          | 4.151                |
| Chi phí khác                                                                        |                            |                                          | 487.134              |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        |                            |                                          | 208.644.062          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                            |                                          | <b>834.576.250</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>485.903.454</b>         | -                                        | <b>485.903.454</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>341.492.884</b>         | -                                        | <b>341.492.884</b>   |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|                                        | <b>Lĩnh vực thương mại</b> | <b>Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản</b> | <b>Cộng</b>           |
|----------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                      |                            |                                          |                       |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 15.751.829.087             | -                                        | 15.751.829.087        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | -                          | -                                        | -                     |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                            |                                          | 55.455.952.064        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                            |                                          | <b>71.207.781.151</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 1.972.554.645              | 657.727.271                              | 2.630.281.916         |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | -                          | -                                        | -                     |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                            |                                          | 549.057.730           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                            |                                          | <b>3.179.339.646</b>  |

**B, Thông tin về khu vực địa lý**

Công ty chi hoạt động trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

|                                    | Giá trị sổ sách       |                       | Giá trị hợp lý        |                       |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                       |                       |                       |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.414.148.712         | 571.333.742           | 4.414.148.712         | 571.333.742           |
| Phải thu khách hàng                | 885.958.771           | 636.715.858           | 885.958.771           | 636.715.858           |
| Các khoản phải thu khác            | 50.859.513.268        | 52.795.100            | 50.859.513.268        | 52.795.100            |
| <b>Cộng</b>                        | <b>56.159.620.751</b> | <b>1.260.844.700</b>  | <b>56.159.620.751</b> | <b>1.260.844.700</b>  |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>       |                       |                       |                       |                       |
| Vay và nợ                          | -                     | 7.501.072.626         | -                     | 7.501.072.626         |
| Phải trả người bán                 | 1.725.432.645         | 1.501.544.569         | 1.725.432.645         | 1.501.544.569         |
| Các khoản phải trả khác            | 675.111.976           | 1.924.166.389         | 675.111.976           | 1.924.166.389         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>2.400.544.621</b>  | <b>10.926.783.584</b> | <b>2.400.544.621</b>  | <b>10.926.783.584</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

|                         | Từ 1 năm trở xuống    | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                  |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>       |                       |                      |            |                       |
| Vay và nợ               |                       |                      |            | -                     |
| Phải trả người bán      | 1.725.432.645         |                      |            | 1.725.432.645         |
| Các khoản phải trả khác | 675.111.976           |                      |            | 675.111.976           |
| <b>Cộng</b>             | <b>2.400.544.621</b>  | -                    | -          | <b>2.400.544.621</b>  |
| <b>Số đầu năm</b>       |                       |                      |            |                       |
| Vay và nợ               | 7.501.072.626         |                      |            | 7.501.072.626         |
| Phải trả người bán      | 1.501.544.569         |                      |            | 1.501.544.569         |
| Các khoản phải trả khác | 1.924.166.389         |                      |            | 1.924.166.389         |
| <b>Cộng</b>             | <b>10.926.783.584</b> | -                    | -          | <b>10.926.783.584</b> |

#### 6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh đầu năm là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước là Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được soát xét.

**Người lập biểu**



**Đỗ Thị Duyên**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Lan Hương**

Lập ngày 07 tháng 10 năm 2019

**Giám đốc**



**Bạch Phương Vinh**